

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY
(TRƯỚC ĐÂY TÊN LÀ “CÔNG TY CỔ PHẦN HEAVEN POWER”)
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY
(TRƯỚC ĐÂY TÊN LÀ “CÔNG TY CỔ PHẦN HEAVEN POWER”)
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 39



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Helio Energy (trước đây tên là "Công ty Cổ phần Heaven Power") (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Lan	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2022)
Ông Hoàng Thế Anh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2022)
Ông Phan Thành Đạt	Thành viên
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2022)
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2022)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2022)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Thành Đạt	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tuấn Dương	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2022)

Ban Kiểm soát

Ông Trần Minh Đức	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.



Phan Thành Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 01 năm 2023

Số: 0598 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Helio Energy

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Helio Energy (trước đây tên là “Công ty Cổ phần Heaven Power”) (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 01 năm 2023, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 21 tháng 10 năm 2021 (ngày Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo kiểm toán đề ngày 4 tháng 5 năm 2022 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu cho kỳ hoạt động từ ngày 21 tháng 10 năm 2021 (ngày Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 cho mục đích cung cấp thông tin và không so sánh được do kỳ kế toán không tương ứng.



Phạm Tuấn Linh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3001-2019-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 01 năm 2023
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Lương Tuấn Đạt
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4370-2023-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		94.884.447.066	153.829.342.719
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	38.730.205.118	4.364.625.769
1. Tiền	111		37.893.595.980	4.364.625.769
2. Các khoản tương đương tiền	112		836.609.138	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.733.626.741	115.587.416.725
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	13.932.479.990	7.101.166.248
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3.687.746.751	1.047.278.769
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	-	102.132.500.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	113.400.000	5.306.471.708
III. Hàng tồn kho	140	10	962.592.421	1.356.754.093
1. Hàng tồn kho	141		962.592.421	1.356.754.093
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		37.458.022.786	32.520.546.132
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	2.328.783.653	1.167.301.589
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		35.129.239.133	31.353.244.543
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		507.074.996.634	399.271.812.423
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.290.457.600	2.435.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	3.290.457.600	2.435.000.000
II. Tài sản cố định	220		431.336.709.464	395.323.983.878
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	431.336.709.464	395.323.983.878
- Nguyên giá	222		508.787.926.251	430.033.592.163
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(77.451.216.787)	(34.709.608.285)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	60.178.554.875	-
- Nguyên giá	231		68.836.297.151	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(8.657.742.276)	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.991.350.302	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15	5.001.350.302	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	990.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.277.924.393	1.512.828.545
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	2.058.638.335	1.512.828.545
2. Lợi thế thương mại	269	17	4.219.286.058	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		601.959.443.700	553.101.155.142

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		378.414.514.186	335.896.436.135
I. Nợ ngắn hạn	310		71.515.630.331	60.636.720.851
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	5.518.962.172	6.036.536.145
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.629.285.641	665.268.336
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	3.884.521.782	4.757.030.202
4. Vay ngắn hạn	320	20	60.482.860.736	49.177.886.168
II. Nợ dài hạn	330		306.898.883.855	275.259.715.284
1. Vay dài hạn	338	21	306.506.937.874	275.142.327.528
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16	391.945.981	117.387.756
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		223.544.929.514	217.204.719.007
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	223.544.929.514	217.204.719.007
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	210.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		210.000.000.000	210.000.000.000
2. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		8.331.664.665	8.331.664.665
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) lũy kế	421		5.213.264.849	(1.126.945.658)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước/kỳ trước	421a		(1.126.945.658)	(506.356.465)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/(Lỗ) kỳ này	421b		6.340.210.507	(620.589.193)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		601.959.443.700	553.101.155.142

Lê Thị Trang
Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh
Kế toán trưởng

M.S.D.N: 0109204756 - C.T.C.P.
CÔNG TY
CỔ PHẦN
HELIO
ENERGY
Phan Thành Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 01 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 21/10/2021 đến ngày 31/12/2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	102.206.514.887	11.271.204.324
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		102.206.514.887	11.271.204.324
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	58.516.486.978	7.242.466.468
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		43.690.027.909	4.028.737.856
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	5.406.598.180	2.414.504.662
6. Chi phí tài chính	22	29	34.434.029.353	6.148.244.785
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		34.357.665.716	6.148.244.785
7. Phần (lỗ) trong công ty liên kết	24	15	(68.649.698)	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	7.263.487.866	537.886.428
9. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22+24)-26)	30		7.330.459.172	(242.888.695)
10. Thu nhập khác	31	31	463.738.808	1.929.535
11. Chi phí khác	32		317.803.477	72.720.018
12. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		145.935.331	(70.790.483)
13. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.476.394.503	(313.679.178)
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	861.625.771	189.522.259
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	32	274.558.225	117.387.756
16. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		6.340.210.507	(620.589.193)
17. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	33	302	(30)

Lê Thị Trang
Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh
Kế toán trưởng



Phan Thành Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 01 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 21/10/2021 đến ngày 31/12/2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01	7.476.394.503	(313.679.178)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại	02	40.386.051.942	6.622.825.068
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.337.948.482)	(2.414.504.662)
Chi phí lãi vay	06	34.357.665.716	6.148.244.785
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	76.882.163.679	10.042.886.013
Thay đổi các khoản phải thu	09	25.314.137.487	34.745.502.123
Thay đổi hàng tồn kho	10	394.161.672	(1.132.036.570)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(11.915.007.023)	(3.248.004.284)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(1.707.291.854)	31.974.042
Tiền lãi vay đã trả	14	(34.305.471.368)	(5.485.407.905)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(75.272.858)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	54.587.419.735	34.954.913.419
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(17.158.071.720)	(748.256.436)
2. Tiền chi cho vay	23	(19.690.000.000)	(33.855.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay	24	121.822.500.000	186.960.500.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(78.666.050.506)	(175.117.666.146)
5. Tiền thu lãi cho vay	27	10.042.515.606	20.369.773
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	16.350.893.380	(22.740.052.809)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	124.295.854.564	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(160.868.588.330)	(9.224.388.114)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(36.572.733.766)	(9.224.388.114)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ (50=20+30+40)	50	34.365.579.349	2.990.472.496
Tiền và tương đương tiền đầu năm/kỳ	60	4.364.625.769	1.374.153.273
Tiền và tương đương tiền cuối năm/kỳ (70=50+60)	70	38.730.205.118	4.364.625.769

Lê Thị Trang
Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh
Kế toán trưởng

M.S.D.N: 0109204756 - C.T.C.P.
CÔNG TY
CỔ PHẦN
HELIO
ENERGY
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phạm Thành Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 01 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Helio Energy (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Alpha Solar 1 – Công ty TNHH Một thành viên với vốn điều lệ 10.000.000.000 VND được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 6 năm 2020. Ngày 01 tháng 4 năm 2021, Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên sửa đổi lần 1 với nội dung thay đổi chủ sở hữu doanh nghiệp từ "Công ty Cổ phần Helio Power" (nay tên là "Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Heli") sang chủ sở hữu mới là "Công ty Cổ phần Đầu tư Helios" (nay tên là "Công ty Cổ phần Helio Power"). Từ ngày 19 tháng 10 năm 2021 đến ngày 21 tháng 10 năm 2021, Chủ sở hữu mới của Công ty đã quyết định chuyển đổi Công ty từ công ty TNHH một thành viên sang công ty cổ phần theo Quyết định số 01/2021/QĐ-CSH ngày 20 tháng 10 năm 2021 và thực hiện tăng vốn điều lệ lên 210.000.000.000 VND. Công ty chính thức chuyển đổi và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 21 tháng 10 năm 2021 với tên là Công ty Cổ phần Heaven Power.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần 3 với nội dung thay đổi tên doanh nghiệp từ "Công ty Cổ phần Heaven Power" thành "Công ty Cổ phần Helio Energy". Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần 4 ngày 02 tháng 11 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là 210.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số người lao động trung bình tháng của Công ty trong năm là 42 người. Tổng số người lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 51 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, phân phối điện;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất pin và ắc quy, thiết bị dây dẫn điện các loại, thiết bị điện chiếu sáng, đồ điện dân dụng, thiết bị điện khác;
- Sửa chữa thiết bị điện, thiết bị điện tử và quang học;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Hoạt động tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn;
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Trồng cây ăn quả, cây lấy quả chứa dầu, cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm, cây hàng năm và cây lâu năm khác; và
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt, hoạt động dịch vụ sau thu hoạch.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện năng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất:

Theo Nghị quyết số 2503/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Helio Power (Công ty mẹ của Công ty), Công ty mẹ đã chỉ định các Công ty con của Công ty nhận chuyển nhượng phần vốn góp của 11 doanh nghiệp dự án trong lĩnh vực điện mặt trời trên mái nhà với tổng giá trị 79.060.000.000 VND. Trong năm, các Công ty con của Công ty đã nhận chuyển nhượng thành công phần vốn góp trên, thông qua đó Công ty gián tiếp sở hữu thêm 8 công ty con, 2 công ty liên kết và 1 khoản đầu tư khác.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 26 công ty con trực tiếp, 8 công ty con gián tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 26 công ty con trực tiếp).

Thông tin chi tiết về công ty con trực tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ công ty	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Apollo Power 2	Tầng 9B, Tòa nhà Leadvisors Place, số 41A Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
2	Công ty TNHH Apollo Power 4	Tầng 9B, Tòa nhà Leadvisors Place, số 41A Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
3	Công ty TNHH Ampire Power 4	Tầng 8, số 152 Phố Đức Chính, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
4	Công ty TNHH Omega Power 3	Tầng 9B, Tòa nhà Leadvisors Place, số 41A Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
5	Công ty TNHH Helio Bình Thuận	Thôn Minh Tiến, Xã Hàm Minh, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
6	Công ty TNHH Bức Tiến Mới Việt	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
7	Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
8	Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
9	Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	Thôn Trung Hòa, Xã Xuân Phú, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
10	Công ty TNHH KCP Energy	Thôn Trung Hòa, Xã Xuân Phú, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
11	Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	Thôn 23, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
12	Công ty TNHH New Power Việt Nam	Thôn 23, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
13	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời



**CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

STT	Tên công ty	Địa chỉ công ty	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
14	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
15	Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
16	Công ty TNHH Two Brothers Energy	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
17	Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
18	Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
19	Công ty TNHH Orchid Việt Nam	Thôn 5, Xã Ea Nam, Huyện Ea Hleo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
20	Công ty TNHH Solar Việt	Thôn 5, Xã Ea Nam, Huyện Ea Hleo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
21	Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	Thôn 2, Xã Cư Ê Wí, Huyện Cư Kuin, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
22	Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	Thôn 2, Xã Cư Ê Wí, Huyện Cư Kuin, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
23	Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
24	Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
25	Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
26	Công ty TNHH Carnation Việt Nam	Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời

Thông tin chi tiết về công ty con gián tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ công ty	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Đầu tư Năng Lượng NVH Việt Nam Số 106 Yên Lạc, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
2	Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng Số 34, Ngõ 214, đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
3	Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Ngọc Hà	Số 34, Ngõ 214, đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
4	Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	Xóm 8, Thôn Đồng Tâm, Xã Kim Thư, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
5	Công ty TNHH Duy Đình Solar	Số 185 Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
6	Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	Số 5C, Ngách 44/5/10 Đường Lạc Long Quân, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
7	Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	Số 185 Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
8	Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	Số 6, ngách 44/1/54 Phố Bàng B, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời

Thông tin chi tiết về công ty liên kết gián tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ công ty	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	Số 106 Yên Lạc, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	30%	30%	Sản xuất điện mặt trời
2	Công ty TNHH VVT Việt Nam	Số 6, ngách 44/1/54 Phố Bằng B, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	23%	23%	Sản xuất điện mặt trời

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu trình bày trên cột so sánh của Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập khác.

Số liệu trình bày trên cột so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập khác cho kỳ hoạt động từ ngày 21 tháng 10 năm 2021 (ngày Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 cho mục đích cung cấp thông tin cho người đọc báo cáo và không so sánh được do kỳ kế toán không tương ứng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con của Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một hoặc nhiều đối tượng trước và sau khi hợp nhất kinh doanh, và sự kiểm soát này là không nhất thời.

Giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh;
- Không có lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị được hợp nhất từ thời điểm hợp nhất kinh doanh; Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và giá trị tài sản thuần của bên bị hợp nhất được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Hợp nhất kinh doanh không dưới sự kiểm soát chung

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lãi từ giao dịch mua rẻ

Lãi từ giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi từ giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo

phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí bán hàng và phân phối phát sinh.

Chi phí kinh doanh dở dang của hoạt động tư vấn đầu tư bao gồm chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí dịch vụ mua ngoài phát sinh trực tiếp. Giá gốc của chi phí kinh doanh dở dang được xác định lũy kế theo các hợp đồng cụ thể. Việc ghi nhận và không ghi nhận chi phí kinh doanh dở dang liên quan tới nguyên tắc ghi nhận doanh thu của Công ty, tức là chi phí phát sinh thuộc một hợp đồng với khách hàng sẽ được ghi nhận là chi phí kinh doanh dở dang của hợp đồng khách hàng đó. Khi ghi nhận doanh thu, chi phí kinh doanh dở dang của hợp đồng khách hàng được ghi nhận vào giá vốn dịch vụ cung cấp.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 15
Máy móc, thiết bị	10 - 15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Tấm pin mặt trời	15 - 20

Thuê tài sản

Tất cả các khoản thuê của Công ty được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm khung giàn nhà xưởng do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 15 năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và chuyển sang cho thuê

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, thuê mái, thuê hệ thống cấp nước, quản lý vận hành đường dây và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí thuê đất, thuê mái, thuê hệ thống cấp nước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê.

Chi phí quản lý vận hành đường dây được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê dịch vụ.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận dựa trên sản lượng điện được công bố trên website của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam và Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Đơn giá bán điện được xác định dựa trên Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Chi phí điện bao gồm các khoản chi phí cần thiết để có được doanh thu bán điện kể từ ngày Nhà máy phát điện.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh trên cơ sở dồn tích theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH

Theo Nghị quyết số 2503/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Helio Power (Công ty mẹ của Công ty), Công ty mẹ đã chỉ định các Công ty con của Công ty nhận chuyển nhượng phần vốn góp của 8 doanh nghiệp dự án trong lĩnh vực điện mặt trời trên mái nhà với tổng giá trị 73.000.000.000 VND. Từ ngày 13 tháng 5 năm 2022 đến ngày 01 tháng 6 năm 2022, các Công ty con của Công ty đã nhận chuyển nhượng thành công phần vốn góp trên, thông qua đó Công ty gián tiếp sở hữu thêm 8 công ty con với tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ là 100%.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả của các công ty con gián tiếp tại ngày mua được trình bày dưới đây:

	Giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh VND
Tài sản	
Tiền	393.949.494
Các khoản phải thu ngắn hạn	27.667.559.565
Hàng tồn kho	141.692.712
Tài sản ngắn hạn khác	11.050.964.842
Tài sản cố định	124.279.658.051
	163.533.824.664
Nợ phải trả	
Nợ ngắn hạn	27.811.840.341
Nợ dài hạn	66.762.318.680
	94.574.159.021
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý [a]	68.959.665.643
Lợi thế thương mại [b]	4.480.657.761
Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất và tài sản thuần còn lại ghi nhận vào kết quả kinh doanh [c]	440.323.404
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán [d] = [a] + [b] - [c]	73.000.000.000
Thông tin lưu chuyển tiền tệ trong năm từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	393.949.494
Tiền chi để mua công ty con	(73.000.000.000)
Tổng tiền thuần đã chi cho nghiệp vụ mua	(72.606.050.506)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	1.478.050.000	1.710.176.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	36.415.545.980	2.654.449.769
Các khoản tương đương tiền (i)	836.609.138	-
	38.730.205.118	4.364.625.769

- (i) Phản ánh khoản đầu tư ngắn hạn hưởng tỷ suất lợi tức 3,5%/năm tại Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS theo Hợp đồng tối ưu hóa nguồn vốn số 57481/VPS-KH/HO ngày 31 tháng 8 năm 2022.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Điện lực Đắk Lắk	3.218.025.826	2.922.267.176
Công ty Điện lực Đắk Nông	2.676.086.418	785.228.512
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Năng lượng OSCAR	2.616.416.663	-
Công ty Điện lực Bình Dương	945.774.396	1.247.054.550
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	821.856.784	823.398.060
Công ty Điện lực Bình Thuận	331.737.693	645.030.354
Công ty Điện lực Bà Rịa - Vũng Tàu	183.022.210	678.187.596
Phải thu các khách hàng khác	3.139.560.000	-
	13.932.479.990	7.101.166.248
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 34)	123.120.000	-

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, một số quyền phải thu phát sinh từ các hợp đồng mua bán điện được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp LK	1.396.990.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng điện Huy Hoàng	700.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Năng lượng OSCAR	629.937.000	79.002.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Tiến	404.500.000	480.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Nông nghiệp & Dược liệu S555	-	482.600.000
Các nhà cung cấp khác	556.319.751	5.676.769
	3.687.746.751	1.047.278.769

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bà Lê Thị Hải Hà	-	16.923.000.000
Ông Trịnh Nam Thắng	-	14.240.000.000
Bà Nguyễn Thị Nhật	-	13.900.000.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Dung	-	13.720.000.000
Bà Lê Thị Phương	-	12.990.000.000
Ông Lê Hải Long	-	10.370.000.000
Các cá nhân khác	-	19.989.500.000
	-	102.132.500.000
Trong đó: Phải thu về cho vay là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 34)	-	22.063.000.000

Số đầu năm thể hiện các khoản cho vay cá nhân theo hợp đồng cho vay với lãi suất 12%/năm, thời hạn vay còn lại dưới 12 tháng. Tài sản đảm bảo của các khoản vay này là cổ phần tại bên thứ ba thuộc sở hữu của các cá nhân này. Trong năm 2022, Công ty đã thu hồi toàn bộ các khoản phải thu về cho vay trên.

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng	13.400.000	500.000.000
Ký cược, ký quỹ	100.000.000	168.417.919
Phải thu về lãi cho vay	-	4.635.917.426
Các khoản khác	-	2.136.363
	113.400.000	5.306.471.708
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	3.290.457.600	2.435.000.000
	3.290.457.600	2.435.000.000
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 34)	860.457.600	824.341.809

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang hoạt động nông nghiệp	585.926.735	-	1.356.754.093	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang hoạt động tư vấn đầu tư	376.665.686	-	-	-
	962.592.421	-	1.356.754.093	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí thuê đất, thuê mái	2.077.822.056	707.272.727
Chi phí quản lý vận hành đường dây	12.805.491	311.540.571
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	93.463.049	75.000.000
Các khoản khác	144.693.057	73.488.291
	2.328.783.653	1.167.301.589
b. Dài hạn		
Chi phí thuê đất, thuê mái	1.263.189.166	1.123.860.620
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	286.825.992	35.216.594
Chi phí thuê hệ thống cấp nước	273.745.519	-
Các khoản khác	234.877.658	353.751.331
	2.058.638.335	1.512.828.545

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Tấm pin mặt trời VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	47.220.202.937	324.116.832.527	58.696.556.699	-	430.033.592.163
Tăng trong năm	2.632.254.023	1.604.508.026	8.239.864.004	-	12.476.626.053
Tăng do hợp nhất kinh doanh	30.277.564.569	32.999.018.450	22.477.952.942	49.359.469.225	135.114.005.186
Phân loại lại	(412.825.316)	(201.745.076.559)	-	202.157.901.875	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(68.836.297.151)	-	-	-	(68.836.297.151)
Số dư cuối năm	10.880.899.062	156.975.282.444	89.414.373.645	251.517.371.100	508.787.926.251
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	3.298.656.935	25.460.869.139	5.950.082.211	-	34.709.608.285
Khấu hao trong năm	2.361.733.900	13.430.801.669	7.572.798.479	14.954.800.467	38.320.134.515
Tăng do hợp nhất kinh doanh	2.388.681.984	2.658.198.254	1.809.569.942	3.977.896.955	10.834.347.135
Phân loại lại	(27.521.687)	(13.796.161.073)	-	13.823.682.760	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(6.412.873.148)	-	-	-	(6.412.873.148)
Số dư cuối năm	1.608.677.984	27.753.707.989	15.332.450.632	32.756.380.182	77.451.216.787
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	43.921.546.002	298.655.963.388	52.746.474.488	-	395.323.983.878
Tại ngày cuối năm	9.272.221.078	129.221.574.455	74.081.923.013	218.760.990.918	431.336.709.464

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 21, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, giá trị còn lại của tài sản cố định gồm toàn bộ hệ thống điện mặt trời trên mái nhà được dùng để thế chấp cho các khoản vay là 430.510.056.679 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 394.352.986.165 VND).

Trong năm 2022, sau khi gián tiếp sở hữu thêm 8 công ty con, Công ty đã đánh giá lại và thay đổi thời gian sử dụng hữu ích của các tài sản cố định của nhóm công ty này để phù hợp với kế hoạch sử dụng của các tài sản cố định và nhất quán với các công ty con sở hữu trực tiếp. Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc thay đổi thời gian khấu hao của tài sản là phù hợp với tình trạng kỹ thuật và tình hình thực tế sử dụng tài sản. Nếu thời gian khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp năm 2022 sẽ giảm 2.031.013.044 VND và lợi nhuận trước thuế năm 2022 sẽ tăng với số tiền tương ứng.

13. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Khung niên nhà xường VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	-
Tăng do thay đổi mục đích sử dụng	68.836.297.151
Số dư cuối năm	68.836.297.151
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	-
Tăng do thay đổi mục đích sử dụng	6.412.873.148
Trích khấu hao trong năm	2.244.869.128
Số dư cuối năm	8.657.742.276
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	-
Tại ngày cuối năm	60.178.554.875

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty đã thế chấp toàn bộ bất động sản đầu tư là hệ thống khung niên nhà xường với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 60.178.554.875 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 0 VND) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Tiền thuê Công ty thu được từ việc cho thuê bất động sản đầu tư (toàn bộ bất động sản đầu tư được cho thuê theo hình thức thuê hoạt động) là 2.336.416.663 VND (kỳ hoạt động từ ngày 21 tháng 10 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 0 VND). Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh phát sinh từ bất động sản đầu tư trong năm là 2.304.352.456 VND (kỳ hoạt động từ ngày 21 tháng 10 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 0 VND).

Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 do chưa thu thập đủ thông tin trên thị trường phục vụ cho việc xác định giá trị hợp lý.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Tăng do hợp nhất kinh doanh VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	665.268.336	79.651	861.625.771	75.272.858	1.451.700.900
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	260.909.861	83.325.120	177.584.741
Thuế môn bài	-	-	60.000.000	60.000.000	-
	665.268.336	79.651	1.182.535.632	218.597.978	1.629.285.641

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

a. Đầu tư vào công ty liên kết

	Trong năm			Số cuối năm
	Số đầu năm	Đầu tư vào các công ty liên kết	Phần lỗ từ công ty liên kết sau ngày đầu tư	
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	-	3.000.000.000	(5.019.393)	2.994.980.607
Công ty TNHH VVT Việt Nam	-	2.070.000.000	(63.630.305)	2.006.369.695
	-	5.070.000.000	(68.649.698)	5.001.350.302

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH NVP Việt Nam	990.000.000	-	-	-
	990.000.000	-	-	-

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

16. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chênh lệch do hợp nhất kinh doanh	391.945.981	117.387.756
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	391.945.981	117.387.756

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Lợi thế thương mại
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	-
Tăng do mua công ty con	4.480.657.761
Số dư cuối năm	4.480.657.761
PHÂN BỐ LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	-
Phân bổ trong năm	261.371.703
Số dư cuối năm	261.371.703
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	-
Tại ngày cuối năm	4.219.286.058

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật TEG	2.006.856.804	2.006.856.804	-	-
Công ty Cổ phần Amber Capital	1.438.699.459	1.438.699.459	-	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Ban Mê	1.030.806.000	1.030.806.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng điện Huy Hoàng	-	-	4.902.163.345	4.902.163.345
Phải trả cho các đối tượng khác	1.042.599.909	1.042.599.909	1.134.372.800	1.134.372.800
	5.518.962.172	5.518.962.172	6.036.536.145	6.036.536.145
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 34)	1.463.222.695	1.463.222.695	-	-

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí dịch vụ vận hành và bảo trì	1.410.032.528	431.865.900
Chi phí lãi vay	949.088.321	896.893.973
Chi phí đầu tư dự án điện mặt trời	-	2.907.592.891
Các khoản trích trước khác	1.525.400.933	520.677.438
	3.884.521.782	4.757.030.202

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

20. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Phan Thành Đạt (i)	-	-	895.000.000	60.000.000	835.000.000	835.000.000
Lê Hải Long (ii)	-	-	400.000.000	-	400.000.000	400.000.000
Đỗ Kiên Trung (ii)	-	-	240.000.000	60.000.000	180.000.000	180.000.000
Đỗ Thị Lưu (ii)	-	-	175.000.000	-	175.000.000	175.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	49.177.886.168	49.177.886.168	59.647.860.736	49.177.886.168	59.647.860.736	80.000.000
(xem Thuyết minh số 21)						
	49.177.886.168	49.177.886.168	60.542.860.736	49.237.886.168	60.482.860.736	60.482.860.736

(i) Khoản vay từ ông Phan Thành Đạt – Tổng Giám đốc Công ty với số tiền 400.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay số 2912/2022/HĐCV/PTD-HE ngày 29 tháng 12 năm 2022. Thời hạn vay trong vòng 02 tháng kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2022. Khoản vay được sử dụng nhằm bổ sung vốn cho hoạt động của Công ty, với lãi suất 0%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(ii) Khoản vay từ các cá nhân là Giám đốc của các công ty con của Công ty với tổng số tiền 495.000.000 VND theo các Hợp đồng cho vay số 1508/2022/HĐCV/LHL-ZON ngày 15 tháng 8 năm 2022, số 0211/2022/HĐCV/ĐKT-BTMV ngày 02 tháng 11 năm 2022, số 0211/2022/HĐCV/ĐTL-TKM ngày 02 tháng 11 năm 2022, số 2811/2022/HĐCV/ĐKT-NA ngày 28 tháng 11 năm 2022. Thời hạn các khoản vay trong vòng 9 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Khoản vay được sử dụng nhằm bổ sung vốn cho hoạt động của Công ty, với lãi suất 10%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

21. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm			Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND			VND		VND
Vay dài hạn							
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ban Mê (i)	184.922.960.000	184.922.960.000	-	-	31.384.800.000	153.538.160.000	153.538.160.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (ii)		-	-	61.081.000.000	2.576.506.024	58.504.493.976	58.504.493.976
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (iii)	68.855.000.000	68.855.000.000	-	44.999.854.564	62.156.946.138	51.697.908.426	51.697.908.426
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây (iv)		-	49.242.318.680	-	4.498.000.000	44.744.318.680	44.744.318.680
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vạn Phúc (v)	45.503.503.696	45.503.503.696	-	-	4.193.586.168	41.309.917.528	41.309.917.528
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình (ii)		-	-	17.320.000.000	960.000.000	16.360.000.000	16.360.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực - Chi nhánh Hồ Chí Minh	25.038.750.000	25.038.750.000	-	-	25.038.750.000	-	-
Ngân hàng TMCP Nam Á - Trung tâm Kinh doanh		-	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-	-
	324.320.213.696	324.320.213.696	79.242.318.680	123.400.854.564	160.808.588.330	366.154.798.610	366.154.798.610
Trong đó:							
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	49.177.886.168	49.177.886.168				59.647.860.736	59.647.860.736
- Số phải trả sau 12 tháng	275.142.327.528	275.142.327.528				306.506.937.874	306.506.937.874

Các khoản vay dài hạn trả gốc và lãi hàng tháng theo lịch trả nợ.



CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Bên cho vay	Số tiền vay tối đa (VND)	Mục đích vay	Thời hạn vay	Lãi suất áp dụng	Tài sản đảm bảo
(i) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ban Mê	204.000.000.000	Xây dựng hệ thống điện mặt trời trên mái nhà	84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (Quý 3/2020)	thả nổi, dao động từ 9,8% đến 9,9%/năm	Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà
(ii) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	61.081.000.000	Trả nợ bên thứ 3 liên quan đến thực hiện Dự án Đầu tư Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà	84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (Quý 2 - Quý 3/2020)	cố định trong 2 năm đầu tiên, sau đó thả nổi, dao động từ 7,5% 4, Công ty TNHH Ampire Power 4, Công ty TNHH Omega Power 3, Công ty TNHH Helio Bình Thuận	Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	17.320.000.000			đến 8,4%/năm	Quản lý dự án đầu tư, quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng mua bán điện, hợp đồng thuê mái từ các công ty trên
(iii) Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	11.000.000.000	Thực hiện dự án "Nhà kho chứa nông sản kết hợp hệ thống điện mặt trời trên mái nhà tại xã Hàm Thạch, Ninh Thuận"	84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (Quý 4/2020)	thả nổi, dao động từ 9,73% - 10,6%/năm	Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà
	30.000.000.000	Tái tài trợ khoản vay với Ngân hàng TMCP Nam Á	Kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến tháng 11/2027	thả nổi, dao động từ 10,3% - 11,1%/năm	Quyền phải thu phát sinh từ các hợp đồng mua bán điện tại Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam, Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam, Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam và quyền sử dụng đất tại các công ty trên
	15.000.000.000	Vay bù đắp một phần chi phí dự án	120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (Quý 3/2022)	thả nổi, chịu mức 8%/năm	Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà
(iv) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây	59.000.000.000	Đầu tư hệ thống năng lượng mặt trời áp mái kết hợp trang trại nông nghiệp công nghệ cao	84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (Quý 4/2020)		
(v) Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vạn Phúc	48.000.000.000	Lắp đặt hệ thống điện mặt trời trên mái nhà	102 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (Quý 4/2020)	thả nổi, dao động từ 10,85% - 16,5%/năm	Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà
					Quyền sử dụng đất của bên thứ 3 và toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú, Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy, Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam, Công ty TNHH Carnation Việt Nam

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	59.647.860.736	49.177.886.168
Trong năm thứ hai	62.530.267.304	50.530.360.736
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	193.170.794.184	158.712.535.944
Sau năm năm	50.805.876.386	65.899.430.848
	366.154.798.610	324.320.213.696
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	59.647.860.736	49.177.886.168
Số phải trả sau 12 tháng	306.506.937.874	275.142.327.528

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối /(Lỗ lũy kế) VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 21 tháng 10 năm 2021	210.000.000.000	-	(506.356.465)	209.493.643.535
(Lỗ) trong kỳ	-	-	(620.589.193)	(620.589.193)
Tăng do hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung (i)	-	8.331.664.665	-	8.331.664.665
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	210.000.000.000	8.331.664.665	(1.126.945.658)	217.204.719.007
Lợi nhuận trong năm	-	-	6.340.210.507	6.340.210.507
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	210.000.000.000	8.331.664.665	5.213.264.849	223.544.929.514

- (i) Phản ánh khoản phát sinh từ hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung 26 công ty con trực tiếp của Công ty. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư của Công ty vào 26 công ty con trực tiếp và giá trị ghi sổ tài sản thuần của các công ty con này tại ngày hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung. Chi tiết quỹ khác phát sinh từ các công ty con như sau:

Công ty	Số tiền (VND)
Công ty TNHH Apollo Power 2	(83.710.893)
Công ty TNHH Apollo Power 4	(294.927.136)
Công ty TNHH Ampire Power 4	146.285.178
Công ty TNHH Omega Power 3	(108.650.691)
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	210.682.120
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	536.643.523
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	511.907.341
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	456.169.175
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	608.218.022
Công ty TNHH KCP Energy	600.358.046
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	450.194.540
Công ty TNHH New Power Việt Nam	368.993.128
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	475.163.306
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	373.275.598
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	523.224.082
Công ty TNHH Two Brothers Energy	571.280.187
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	511.046.969
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	538.657.837
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	329.241.733
Công ty TNHH Solar Việt	335.701.003
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	634.817.500
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	660.328.380
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	78.853.767
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	(6.397.902)
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	(76.379.705)
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	(19.310.443)
Tổng	8.331.664.665

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 4 ngày 02 tháng 11 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là 210.000.000.000 VND. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 03/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập, theo đó số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu tối thiểu của các cổ đông sau khi chuyển nhượng cổ phần lần lượt là 14.556.000 cổ phần tương đương 69,31% với Công ty Cổ phần Helio Power và 10.000 cổ phần tương đương 0,05% với ông Hoàng Thế Anh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tình hình góp vốn của các cổ đông như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Helio Power	147.302.000.000	70,14%	199.500.000.000	95,00%
Ông Phan Thành Đạt	5.250.000.000	2,50%	5.250.000.000	2,50%
Ông Hoàng Thế Anh	100.000.000	0,05%	5.250.000.000	2,50%
Các cổ đông khác	57.348.000.000	27,31%	-	0,00%
	210.000.000.000	100%	210.000.000.000	100%

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 21, toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Helio Power tại Công ty được dùng để thế chấp cho các khoản vay dài hạn.

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Từ 1 năm trở xuống	6.504.890.817	2.897.687.758
Trên 1 năm đến 5 năm	21.106.338.473	11.012.333.613
Trên 5 năm	41.152.904.586	36.448.817.276
	68.764.133.876	50.358.838.647

Các khoản thuê hoạt động thể hiện:

Hợp đồng thuê	Diện tích thuê (m2)	Giá thuê	Thời hạn thuê
Thuê văn phòng tại Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	346,4	Năm đầu tiên là 215.114.400 VND/tháng, sau đó điều chỉnh tăng hàng năm	từ ngày 21 tháng 5 năm 2022 đến ngày 20 tháng 03 năm 2027
Thuê mái tại Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	6.500	363.636.364 VND/năm	20 năm từ ngày 19 tháng 11 năm 2020
Thuê mái tại Cụm Công nghiệp Vật liệu Xây dựng Hố Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai	6.832	310.545.455 VND/năm	20 năm từ ngày 21 tháng 8 năm 2020
Thuê mái tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	6.400	Trong vòng 4 năm đầu tiên tính bằng 5% doanh thu bán điện/năm, giá thuê từ năm thứ 5 đến năm thứ 20 tính bằng 8% doanh thu bán điện/năm	20 năm từ ngày 19 tháng 9 năm 2020
Thuê mái tại Xã Đất Cước, Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	6.500	360.000.000 VND/năm	20 năm từ ngày 18 tháng 8 năm 2020
Thuê mái tại Xã Tân Hưng, Huyện Bà Rịa, Tỉnh Bình Dương	3.920	183.300.000 VND/năm	20 năm từ ngày 19 tháng 11 năm 2020
Thuê mái tại Xã Bắc Sơn, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai	7.800	2,06 USD/m2/năm (bao gồm thuế) theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	20 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2021
Thuê mái tại KCN Nam Tân Uyên mở rộng, Phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	5.000	250.000.000 VND/năm (bao gồm thuế) áp dụng cho 5 năm đầu tiên, sau đó điều chỉnh tăng 10% mỗi 5 năm	20 năm từ ngày 16 tháng 12 năm 2020
Thuê mái tại Xã Tam Phước, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	2.276,3	170.722.500 VND/năm áp dụng cho 5 năm đầu tiên, sau đó điều chỉnh tăng 10% mỗi 5 năm	20 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2021
Thuê mái tại Thôn Minh Tiến, Xã Hàm Minh, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận	3.000	150.000.000 VND/năm	20 năm từ ngày 01 tháng 6 năm 2020
Thuê quyền sử dụng đất (20 công ty)		20.000.000 VND/công ty/năm	18 đến 20 năm từ tháng 11 và tháng 12 năm 2022

Thuê quyền sử dụng đất (9 công ty)

miễn tiền thuê trong 3 năm đầu tiên, từ năm thứ 4 năm 2040 đến ngày 31 tháng 12
giá thuê bằng 7 - 8,5% doanh thu hoạt động liên quan trực tiếp đến diện tích đất thuê đối với mỗi công ty

- Tiền thuê nhà tại Đăk Nông với diện tích thuê 125 m2, đơn giá thuê chưa bao gồm thuế là 78.000.000 VND/năm và thời hạn thuê 15 tháng kể từ ngày 09 tháng 12 năm 2022;

- Tiền thuê thiết bị Recloser (3 công ty) với tổng đơn giá thuê đã bao gồm VAT là 31.169.545 VND/năm và thời hạn thuê 12 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Bán điện	Dịch vụ tư vấn/quản lý	Hoạt động nông nghiệp	Dịch vụ cho thuê	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	90.175.300.304	6.707.000.000	2.974.914.420	2.349.300.163	102.206.514.887
Giá vốn trực tiếp của bộ phận	50.698.958.113	1.792.266.483	3.708.026.426	2.317.235.956	58.516.486.978
Chi phí khác trực tiếp của bộ phận	34.502.679.051	-	-	-	34.502.679.051
Lợi nhuận/(lỗ) kinh doanh theo bộ phận	4.973.663.140	4.914.733.517	(733.112.006)	32.064.207	9.187.348.858
Thu nhập không phân bổ					5.870.336.988
Chi phí không phân bổ					7.581.291.343
Lợi nhuận trước thuế					7.476.394.503
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					1.136.183.996
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					6.340.210.507

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 21 tháng 10 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Bán điện	Dịch vụ tư vấn/quản lý	Hoạt động nông nghiệp	Dịch vụ cho thuê	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	11.268.698.219	-	-	2.506.105	11.271.204.324
Giá vốn trực tiếp của bộ phận	7.239.960.363	-	-	2.506.105	7.242.466.468
Chi phí khác trực tiếp của bộ phận	6.148.244.785	-	-	-	6.148.244.785
(Lỗ) kinh doanh theo bộ phận	(2.119.506.929)	-	-	-	(2.119.506.929)
Thu nhập không phân bổ					2.416.434.197
Chi phí không phân bổ					610.606.446
(Lỗ) trước thuế					(313.679.178)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					306.910.015
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(620.589.193)

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Bán điện VND	Dịch vụ tư vấn/quản lý VND	Hoạt động nông nghiệp VND	Dịch vụ cho thuê VND	Tổng VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	529.297.392.621	6.027.138.686	2.651.048.808	62.794.971.540	600.770.551.655
Tài sản không phân bổ					1.188.892.045
Tổng Tài sản					601.959.443.700
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	372.182.729.558	2.315.677.528	23.122.000	-	374.521.529.086
Nợ phải trả không phân bổ					3.892.985.100
Tổng Nợ phải trả					378.414.514.186

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	Bán điện VND	Dịch vụ tư vấn/quản lý VND	Hoạt động nông nghiệp VND	Dịch vụ cho thuê VND	Tổng VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	511.623.984.845	-	41.267.611.110	-	552.891.595.955
Tài sản không phân bổ					209.559.187
Tổng Tài sản					553.101.155.142
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	335.231.167.799	-	-	-	335.231.167.799
Nợ phải trả không phân bổ					665.268.336
Tổng Nợ phải trả					335.896.436.135

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 VND	Từ ngày 21/10/2021 đến ngày 31/12/2021 VND
Doanh thu bán điện	90.175.300.304	11.268.698.219
Doanh thu dịch vụ tư vấn đầu tư	3.800.000.000	-
Doanh thu hoạt động nông nghiệp	2.974.914.420	-
Doanh thu dịch vụ quản lý vận hành	2.907.000.000	-
Doanh thu cho thuê	2.349.300.163	2.506.105
	102.206.514.887	11.271.204.324
Trong đó: Doanh thu phát sinh với bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 34)	3.934.883.500	2.506.105

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 VND	Từ ngày 21/10/2021 đến ngày 31/12/2021 VND
Giá vốn bán điện	50.698.958.113	7.239.960.363
Giá vốn dịch vụ tư vấn đầu tư	1.151.311.479	-
Giá vốn hoạt động nông nghiệp	3.708.026.426	-
Giá vốn dịch vụ quản lý vận hành	640.955.004	-
Giá vốn hoạt động cho thuê	2.317.235.956	2.506.105
	58.516.486.978	7.242.466.468

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 21/10/2021 đến ngày 31/12/2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	5.185.371.860	37.592.516
Chi phí khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại	40.826.375.346	6.550.131.555
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.055.660.092	2.048.278.323
Chi phí khác bằng tiền	318.405.874	276.387.072
	65.385.813.172	8.912.389.466

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 21/10/2021 đến ngày 31/12/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.406.598.180	2.414.504.662
	5.406.598.180	2.414.504.662

29. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 21/10/2021 đến ngày 31/12/2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	34.357.665.716	6.148.244.785
Chi phí thẩm định giá phục vụ khoản vay	76.363.637	-
	34.434.029.353	6.148.244.785

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 21/10/2021 đến ngày 31/12/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.016.452.873	37.592.516
Chi phí khấu hao tài sản cố định	118.712.686	23.906.840
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.561.837.388	357.834.612
Phân bổ lợi thế thương mại	261.371.703	-
Chi phí khác bằng tiền	305.113.216	118.552.460
	7.263.487.866	537.886.428

31. THU NHẬP KHÁC

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 21/10/2021 đến ngày 31/12/2021
	VND	VND
Lãi từ giao dịch mua rẻ	440.323.404	-
Các khoản khác	23.415.404	1.929.535
	463.738.808	1.929.535

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 VND	Từ ngày 21/10/2021 đến ngày 31/12/2021 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	861.625.771	262.892.552
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay/kỳ này (i)	-	(73.370.293)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	861.625.771	189.522.259

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm/kỳ hiện hành được tính như sau:

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 VND	Từ ngày 21/10/2021 đến ngày 31/12/2021 VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	7.476.394.503	(313.679.178)
Điều chỉnh lợi nhuận trên góc độ hợp nhất	3.232.433.644	(586.938.780)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(4.648.929.271)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	5.970.634.175	1.211.387.444
	12.030.533.051	310.769.476
<i>Trong đó:</i>		
- (Lỗ) tính thuế	(671.233.362)	-
- Thu nhập tính thuế	12.701.766.413	310.769.476
Bù trừ với thu nhập tính thuế của giai đoạn trước (i)	-	524.073.522
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	12.701.766.413	834.843.008
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	4.281.443.885	1.877.803.945
Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi 10%	53.369.944	-
Thu nhập chịu thuế được miễn	8.366.952.584	(1.042.960.937)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	861.625.771	375.560.789
Giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2021	-	112.668.237
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	861.625.771	262.892.552

- (i) Công ty chính thức chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH một thành viên sang công ty cổ phần kể từ ngày 21 tháng 10 năm 2021, đồng thời cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, công ty có phát sinh thu nhập tính thuế nên lỗ tính thuế cho giai đoạn từ ngày 21 tháng 10 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 sẽ được bù trừ với thu nhập tính thuế của giai đoạn trước.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty mẹ và các công ty con là 20%. Riêng đối với các công ty con mới thành lập và thực hiện dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc khó khăn sẽ được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định hiện hành của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- Các công ty con có dự án điện mặt trời trên mái nhà tại các tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn sẽ được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động bán điện trên địa bàn ưu đãi với mức thuế suất 10% trong 15 năm đồng thời được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 4 năm đầu tiên và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.

- Các công ty con có dự án điện mặt trời trên mái nhà tại huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn sẽ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động bán điện trên địa bàn ưu đãi trong vòng 2 năm đầu tiên và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

	<u>Từ ngày 01/01/2022</u> <u>đến ngày 31/12/2022</u>	<u>Từ ngày 21/10/2021</u> <u>đến ngày 31/12/2021</u>
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc loại trừ dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết	208.107.532	117.387.756
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ chênh lệch khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư theo giá trị hợp lý	66.450.693	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	<u>274.558.225</u>	<u>117.387.756</u>

33. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Từ ngày 01/01/2022</u> <u>đến ngày 31/12/2022</u>	<u>Từ ngày 21/10/2021</u> <u>đến ngày 31/12/2021</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.340.210.507	(620.589.193)
Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.340.210.507	(620.589.193)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm/kỳ	21.000.000	21.000.000
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	<u>302</u>	<u>(30)</u>

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 do Đại hội đồng Cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2022. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, chỉ tiêu "Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông" có thể điều chỉnh giảm, dẫn đến việc "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" giảm tương ứng.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm/kỳ:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Helio Power	Công ty mẹ
Ông Hoàng Thế Anh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (đến ngày 31 tháng 10 năm 2022)
Ông Phan Thành Đạt	Tổng Giám đốc Công ty
Bà Lê Thị Hải Hà	Người liên quan gián tiếp của Công ty Cổ phần Helio Power (Công ty mẹ của Công ty) (i)
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên quản lý chủ chốt của cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Helio Power (Công ty mẹ của Công ty)
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Heli	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan đến ngày 30 tháng 3 năm 2022 (Ông Hoàng Thế Anh)
Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan (Ông Hoàng Thế Anh)
Công ty Cổ phần Amber Capital	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan (ii)
Công ty TNHH Apollo Power 1	Đơn vị có cùng Công ty mẹ (đến ngày 13 tháng 9 năm 2022)
Công ty TNHH Alpha Solar 2	Đơn vị có cùng Công ty mẹ (đến ngày 13 tháng 9 năm 2022)
Công ty TNHH Alpha Solar 3	Đơn vị có cùng Công ty mẹ (đến ngày 13 tháng 9 năm 2022)
Công ty TNHH Alpha Solar 4	Đơn vị có cùng Công ty mẹ (đến ngày 13 tháng 9 năm 2022)
Công ty TNHH Omega Power 4	Đơn vị có cùng Công ty mẹ (đến ngày 13 tháng 9 năm 2022)
Công ty TNHH Atlas Power 1	Đơn vị có cùng Công ty mẹ (đến ngày 13 tháng 9 năm 2022)
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH VVT Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp

- (i) Là người liên quan gián tiếp của Công ty Cổ phần Helio Power (Công ty mẹ của Công ty) từ ngày 21 tháng 10 năm 2021 (ngày Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần).
- (ii) Bên liên quan là bà Nguyễn Thị Lan – thành viên quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Amber Capital, đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

Trong năm/kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Từ ngày 01/01/2022</u> <u>đến ngày 31/12/2022</u>	<u>Từ ngày 21/10/2021</u> <u>đến ngày 31/12/2021</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Helio Power	2.800.000.000	-
Công ty TNHH Alpha Solar 2	228.883.500	2.506.105
Công ty TNHH Alpha Solar 3	216.000.000	-
Công ty TNHH Alpha Solar 4	216.000.000	-
Công ty TNHH Atlas Power 1	144.000.000	-
Công ty TNHH Omega Power 4	144.000.000	-
Công ty TNHH Apollo Power 1	72.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	57.000.000	-
Công ty TNHH VVT Việt Nam	57.000.000	-
	<u>3.934.883.500</u>	<u>2.506.105</u>
Mua hàng và sử dụng dịch vụ		
Công ty Cổ phần Amber Capital	1.582.131.716	-
Công ty Cổ phần Helio Power	600.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh	56.100.000	25.903.226
Công ty TNHH Alpha Solar 4	9.823.200	1.937.727
Công ty TNHH Alpha Solar 3	5.629.250	1.095.005
Công ty TNHH Apollo Power 1	12.883.500	2.541.403
	<u>2.266.567.666</u>	<u>231.477.361</u>

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 21/10/2021 đến ngày 31/12/2021
	VND	VND
Cho vay		
Bà Lê Thị Hải Hà	160.000.000	16.923.000.000
Ông Nguyễn Trung Hiếu	565.000.000	530.000.000
	725.000.000	17.453.000.000
Thu hồi cho vay		
Bà Lê Thị Hải Hà	17.083.000.000	-
Ông Nguyễn Trung Hiếu	5.705.000.000	100.000.000
	22.788.000.000	100.000.000
Nhận tiền vay		
Ông Phan Thành Đạt	400.000.000	-
	400.000.000	-
Nhận lãi cho vay		
Bà Lê Thị Hải Hà	932.600.000	-
Ông Nguyễn Trung Hiếu	594.500.000	-
	1.527.100.000	-
Lãi tiền cho vay		
Bà Lê Thị Hải Hà	593.212.712	339.387.288
Ông Nguyễn Trung Hiếu	109.545.479	114.466.849
	702.758.191	453.854.137
Nhận chuyển nhượng công ty con		
Ông Phan Thành Đạt	-	134.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Heli	-	50.305.500.000
	-	184.805.500.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	61.560.000	-
Công ty TNHH VVT Việt Nam	61.560.000	-
	123.120.000	-
Phải thu về cho vay		
Bà Lê Thị Hải Hà	-	16.923.000.000
Ông Nguyễn Trung Hiếu	-	5.140.000.000
	-	22.063.000.000
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Amber Capital	860.457.600	-
Bà Lê Thị Hải Hà	-	339.387.288
Ông Nguyễn Trung Hiếu	-	484.954.521
	860.457.600	824.341.809
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Amber Capital	1.438.699.459	-
Công ty TNHH Alpha Solar 4	10.609.056	-
Công ty TNHH Apollo Power 1	13.914.180	-
	1.463.222.695	-
Vay ngắn hạn		
Ông Phan Thành Đạt	400.000.000	-
	400.000.000	-

Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được hưởng trong năm/ kỳ như sau:

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 VND	Từ ngày 21/10/2021 đến ngày 31/12/2021 VND
Thù lao Hội đồng Quản trị	250.000.000	-
Ông Hoàng Thế Anh	100.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Lan	20.000.000	-
Ông Phan Thành Đạt	60.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	35.000.000	-
Ông Nguyễn Thanh Long	10.000.000	-
Ông Bùi Tuấn Dương	25.000.000	-
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	654.347.867	-
Ông Phan Thành Đạt	398.529.000	-
Ông Bùi Tuấn Dương	255.818.867	-
Thù lao Ban Kiểm soát	132.000.000	-
Ông Trần Minh Đức	60.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Phương	36.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	36.000.000	-

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định trong kỳ không bao gồm 415.285.543 VND (kỳ trước: 5.849.175.238 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định trong năm/kỳ mà chưa được thanh toán, và đã bao gồm 0 VND (kỳ trước: 2.233.688.350 VND) là số tiền tạm ứng để mua sắm tài sản cố định. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả và tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền thu lãi cho vay không bao gồm 0 VND (kỳ trước: 4.638.053.789 VND) là số tiền lãi cho vay trong năm/kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.



Lê Thị Trang
Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh
Kế toán trưởng



CÔNG TY
CỔ PHẦN
HELIO
ENERGY

Phan Thành Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 01 năm 2023